

7

Watashi no gakkou
わたしの がっこう

チューン ホッ (ク) クア トイ

Trường học của tôi

okujou
おくじょう
サン トウオン
sân thượng

genkan
げんかん
クア ザー パオ
cửa ra vào

tearaiba
てあらいば
チョー ルア タイ
chỗ rửa tay

koutei
こうてい
サン
sân t

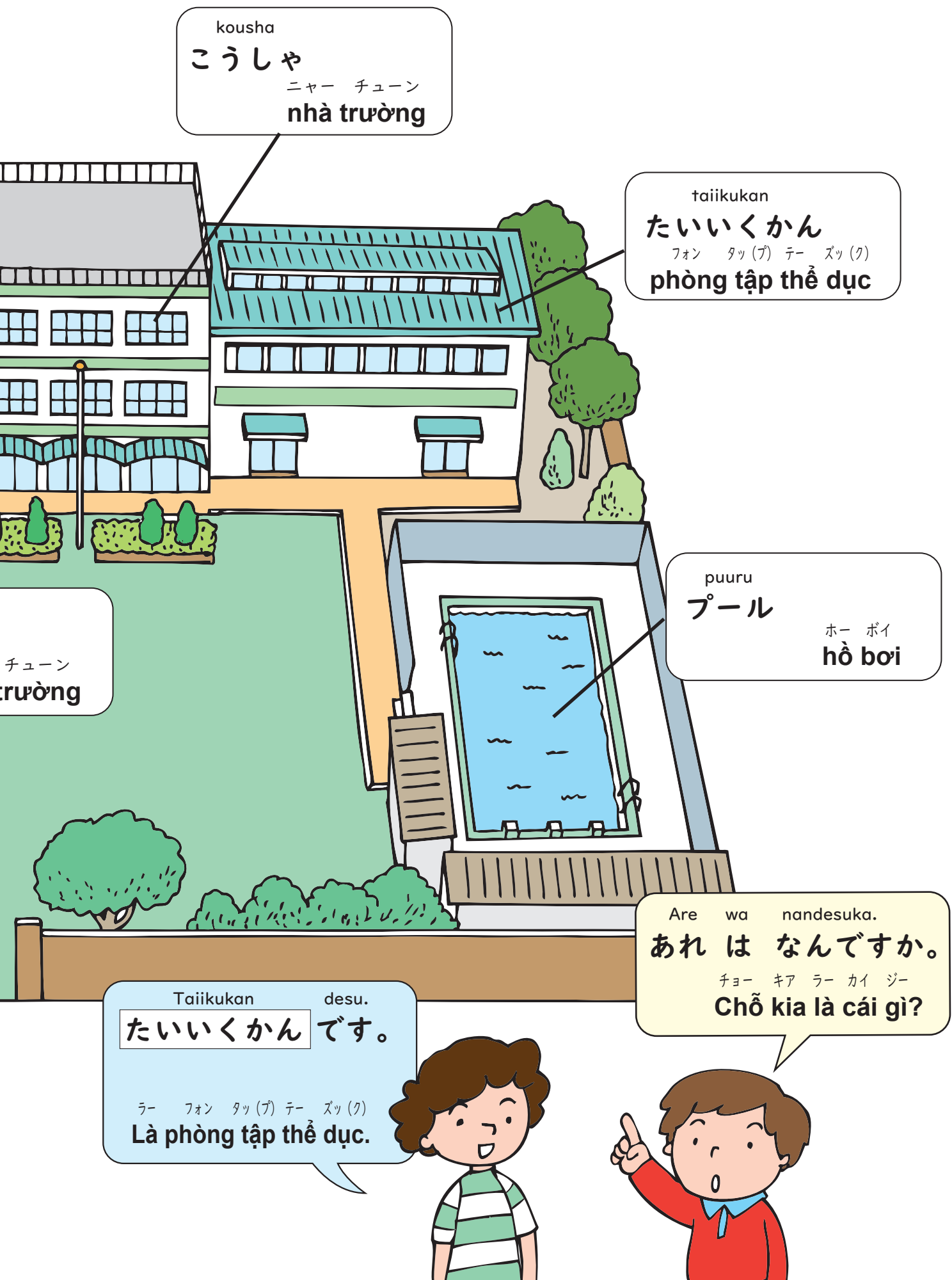
sunaba
すなば
パーイ カツ (ト)
bãi cát

Ongakushitsu wa dokodesuka.
おんがくしつ は どこですか。

フォン アム ニヤツ (ク) オウ ダウ
Phòng âm nhạc ở đâu?

Nikai desu.
2 かい です。

オウ ラウ ハイ
Ở lầu hai.



kousha

こうしゃ

ニャー チューン

nhà trường

taiikukan

たいいくかん

フォン タッ(プ) テー ズツ(ク)

phòng tập thể dục

puuru

プール

ホー ボイ

hồ bơi

チューン
trường

Taiikukan

desu.

たいいくかん です。

ラー フォン タッ(プ) テー ズツ(ク)

Là phòng tập thể dục.

Are wa nandesuka.

あれは なんですか。

チョー キア ラー カイ ジー

Chỗ kia là cái gì?

kokubankeshi ドー ラウ バーン
こくばんけし đồ lau bảng

kokuban
こくばん バーン
bảng

chooku
チョーク
ファン
phần

kabin
かびん
ビン ホア
bình hoa

Kore wa nandesuka.
これは 何ですか。
カイ ナイ ラー カイ ジー
Cái này là cái gì?

Tsukue desu.
つくえ です。
ラー バン ホッ (ク)
Là bàn học.

Kabin desu.
かびん です。
ラー ビン ホア
Là bình hoa.

Sore wa nandesuka.
それは 何ですか。
カイ ドー ラー カイ ジー
Cái đó là cái gì?

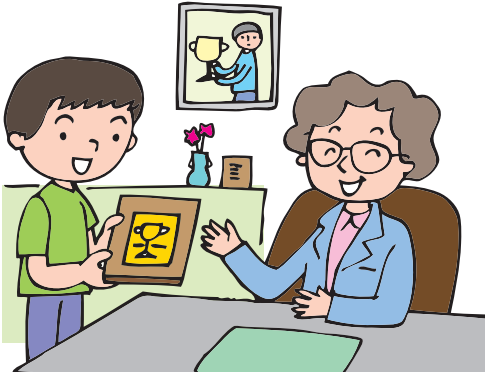
isu
いす
ゲー
ghế

kouchoushitsu

こうちょうしつ

フォン ヒュウ チューン

phòng hiệu trưởng



shokuinshitsu

しょくいんしつ

フォン ザオ ビエン

phòng giáo viên



jimushitsu

じむしつ

バン フォン

văn phòng



hokenshitsu

ほけんしつ

フォン イー テー

phòng y tế



kyuushokushitsu

きゅうしょくしつ

フォン ナウー アン

phòng nấu ăn



shujishitsu

しゅじしつ

フォン スア チュア

phòng sửa chữa

